

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Số: 290/2025/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8,9, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 339/2025/TLST- VHNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trịnh Hà T, sinh năm 1983;

Hộ khẩu thường trú: Số A, tổ B, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Đỗ Thùy A, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Số D, tổ E, khu phố F, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Hà T và bà Đỗ Thùy A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 056, quyền số 002 cấp ngày 30/03/2007 nên căn cứ Điều 8,9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Trịnh Hà T và bà Đỗ Thùy A khai, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau, thường xuyên cãi vã nên gia đình luôn căng thẳng. Cả vợ chồng mặc dù đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai vợ chồng ông bà thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên 03 con chung là Trịnh Đỗ Thanh N, sinh ngày 09/11/2007, cháu Trịnh Thanh H, sinh ngày 15/01/2010 và Trịnh Thanh T1, sinh ngày 03/03/2021. Ly hôn, ông T và bà A thống nhất giao 03 con chung cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000đ/03 con chung (mỗi con 5.000.000 đồng/tháng) bắt đầu từ ngày 01/04/2025 đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Trịnh Hà T và bà Đỗ Thùy A phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 03 năm 2025 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Sự thỏa thuận của ông T, bà A đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông Trịnh Hà T và bà Đỗ Thùy A.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trịnh Hà T, sinh năm 1983 và bà Đỗ Thùy A, sinh năm 1988.

- Về con chung: Có 03 con chung tên 03 con chung là Trịnh Đỗ Thanh N, sinh ngày 09/11/2007, cháu Trịnh Thanh H, sinh ngày 15/01/2010 và Trịnh Thanh T1, sinh ngày 03/03/2021. Ly hôn, ông T và bà A thống nhất giao 03 con chung cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000đ/03 con chung (mỗi con 5.000.000 đồng/tháng) bắt đầu từ ngày 01/04/2025 đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông T, bà A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T (không trực tiếp nuôi con) được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên

có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí: Ông Trịnh Hà T và bà Đỗ Thùy A mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005900 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám